

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2023/DS-PT

Ngày: 13-11-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Nhữn

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 668/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà H: ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ: số F, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: bà và bà H sống cùng xóm nên quen biết nhau,

bà H kinh doanh nuôi gà nhưng thiếu vốn nên hỏi mượn tiền bà, bà tin tưởng và đồng ý cho bà H mượn tiền, không lấy lãi. Bà cho bà H mượn tiền nhiều lần từ ngày 22/02/2021 đến ngày 03/5/2022 nhưng bà H chỉ trả được vài lần và còn nợ lại số tiền là 268.000.000 đồng. Mỗi lần mượn tiền bà H đều tự viết nội dung mượn tiền và ký tên vào quyển tập giao cho bà giữ. Bà H chỉ nói mượn đỡ nên không ghi thời gian trả, khi nào bà yêu cầu thì bà H sẽ trả lại bà. Sau đó bà yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không chịu trả dẫn đến hai bên cãi vã nhau và công an xã L đã đứng ra giải quyết. Tại công an xã vào ngày 14/6/2022, bà H nói làm ăn thua lỗ không có tiền trả, chỉ có khả năng trả 170.000.000 đồng, còn lại gần 100 triệu xin bà bỏ hết. Lúc đó bà đồng ý nhận trước 170.000.000 đồng, còn lại số tiền 98.000.000 đồng bà sẽ đòi sau, bà không đồng ý cho bà H số tiền 98.000.000 đồng. Từ tháng 06/2022 đến tháng 11/2022 bà H đã trả tổng cộng 170.000.000 đồng tại Công an xã, còn lại số tiền 98.000.000 đồng bà H không chịu trả tiếp cho bà. Bà đã yêu cầu bà H trả nợ cho bà nhiều lần nhưng bà H không trả nên bà khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà số tiền nợ còn thiếu là 98.000.000 đồng, bà tự nguyện không yêu cầu trả tiền lãi và chỉ yêu cầu bà H thanh toán nợ.

Tại các bản tự khai ngày 13/3/2023 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà H trình bày: bà H thừa nhận có vay tiền của bà D nhiều lần, mỗi lần vay tiền bà H ghi nội dung vay tiền vào quyển sổ do bà D giữ. Những nội dung vay tiền trong quyển sổ do bà D cung cấp cho Tòa án đúng là chữ viết và chữ ký tên của bà H nhưng bà H không nhớ chính xác đã vay bao nhiêu tiền. Các khoản nợ của bà H là bao gồm cả tiền lãi nhập tiền gốc. Sau khi vay tiền bà H đã trả cho bà D nhiều lần, không nhớ chính xác bao nhiêu, chỉ xác định là còn nợ lại bà D số tiền 170.000.000 đồng theo thỏa thuận tại Công an xã L vào ngày 14/6/2022. Những lần bà H trả tiền cho bà D thì bà D không làm biên nhận mà bà D tự gạt trong sổ nên bà H không cung cấp được chứng cứ về việc thanh toán nợ cho Tòa án. Nay bà H xác định chỉ còn nợ bà D 170.000.000 đồng và đã trả xong nên không còn nợ tiền bà D, do đó bà H không chấp nhận yêu cầu của bà D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Ánh H.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh H trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền vay còn nợ là 98.000.000 đồng (bằng chữ: chín mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 4.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại bà Nguyễn Thị Ngọc D tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.450.000 đồng theo biên lai số 0005004 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 07/8/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý trả cho bà D 98.000.000đồng vì cho rằng số tiền còn nợ lại đã được bà D xóa nợ.

Phản tranh luận: Các đương sự không tranh luận.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kháng cáo của bị đơn bà H đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: từ ngày 22/02/2021 đến ngày 03/5/2022 bà D đã cho bà H vay 27 khoản với tổng số tiền 313.000.000đồng, đã trả được 4 khoản với số tiền 45.000.000đồng, còn lại số tiền là 268.000.000đồng. Bà H cho rằng ngày 14/6/2022 tại Công an xã L bà D đồng ý nhận số tiền 170.000.000đồng hứa xóa nợ cho bà H số tiền là 98.000.000đồng nên không còn nợ bà D số tiền 98.000.000đồng. Lời trình bày của bà H không được bà D thừa nhận nên không có cơ sở xác định bà D xóa nợ cho bà H số tiền 98.000.000đồng. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà, do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét kháng cáo của bà H không đồng ý trả cho bà D 98.000.000đồng. Xét thấy:

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự có căn cứ xác định bà H có vay tiền của bà D nhiều lần, mỗi lần vay bà H tự viết nội dung vay tiền và ký tên vào quyển sổ của bà D, và mỗi lần bà H trả tiền cho bà D thì bà H sẽ dùng bút gạt bỏ phần nội dung của khoản vay đó.

[3.2] Căn cứ vào quyển sổ vay tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện từ ngày 22/02/2021 đến ngày 03/5/2022 bà H đã vay của bà D 27 lần với tổng số tiền 313.000.000đồng, trong đó đã trả được vài lần (gạt bỏ) với số tiền 45.000.000đồng, còn lại số tiền là 268.000.000đồng. Nội dung này trùng khớp với lời trình bày của các đương sự. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà H có nợ bà D số tiền 268.000.000đồng.

[3.3] Bà H trình bày đã trả cho bà D số tiền 170.000.000đồng, bà D cũng thừa nhận có nhận số tiền này, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.4] Bà H nợ bà D 268.000.000đồng, chỉ mới trả được 170.000.000đồng, do đó còn nợ 98.000.000đồng. Bà H cho rằng số tiền 98.000.000đồng bà D đã hứa xóa

nợ cho bà tại Công an xã L. Lời trình bày này của bà H không được bà D thừa nhận, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà D xóa nợ cho bà H số tiền nợ trên. Vì vậy, án sơ thẩm buộc bà H trả cho bà D 98.000.000đồng là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo Điều 148 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh H;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 38/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Căn cứ các điều 26, 37, 39, 147, 148, 296, 307 và 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Ánh H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ánh H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 98.000.000đồng (chín mươi tám triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 4.900.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại bà Nguyễn Thị Ngọc D tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.450.000đồng theo biên lai số 0005004 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005828 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Nhữn- Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Trịnh Thị Phúc